

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của cả nước, của các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước (dưới đây gọi tắt là Bộ, ngành trung ương và địa phương);

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xác định tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2020 cho các Bộ, ngành trung ương và địa phương theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này;

c) Hướng dẫn Bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 của các Bộ, ngành trung ương và địa phương theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Tài chính:

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm để thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và số bổ sung trong cân đối ngân sách địa phương cho các địa phương trong giai đoạn 2017 - 2020;

c) Cung cấp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư các thông tin số liệu về thu, chi ngân sách nhà nước của cả nước và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ cho việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương:

a) Lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này;

b) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm của Bộ, ngành trung ương quản lý;

c) Cung cấp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư các thông tin, số liệu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách phục vụ cho việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển kèm theo Quyết định này, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định;

b) Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này;

c) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm của tỉnh, thành phố.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn triển khai, theo dõi, đôn đốc Bộ, ngành trung ương và địa phương thực hiện Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được thuộc ngành, lĩnh vực sau:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển rừng bền vững; phát triển thủy sản; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán.

2. Công nghiệp: Các dự án trong lĩnh vực dầu khí được đầu tư từ tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia (nếu có) và tiền đọc tài liệu để lại cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; mạng lưới điện nông thôn, miền núi và hải đảo; mạng lưới điện phục vụ quốc phòng, an ninh; sản xuất năng lượng tái tạo.

3. Thương mại: Các dự án chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Giao thông: Các dự án hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không.

5. Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải: Các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải.

6. Kho tàng: Các dự án kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu giữ hàng dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

7. Văn hóa: Các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa thế giới, các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa.

8. Thể thao: Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

9. Du lịch: Các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch.

10. Khoa học, công nghệ: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

11. Thông tin: Các dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu.

12. Truyền thông: Các dự án viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn thông tin quốc gia.

13. Công nghệ thông tin: Các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin; bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước; hạ tầng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử.

14. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục, đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cấp học từ mầm non đến đại học và hạ tầng kỹ thuật các khu đại học.

15. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: Các dự án bệnh viện, các cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

16. Xã hội: Các dự án nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe cán bộ, công chức; cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác; các dự án cải tạo, nâng cấp các dự án ghi công liệt sỹ.

17. Tài nguyên và môi trường: Các dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo, đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước; quan trắc cảnh báo môi trường; bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

18. Quản lý nhà nước: Các dự án trụ sở, nhà công vụ của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ; trụ sở của các Bộ, ngành trung ương và các tổ chức chính trị - xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư; trụ sở các cơ quan tư pháp; trụ sở của các cấp chính quyền địa phương (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp); dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, nhà ở của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Chính phủ Việt Nam ở nước ngoài.

19. Quốc phòng, an ninh: Các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.